

Số: 15/2020/QĐST-HNGĐ

Mai Sơn, ngày 19 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 28/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận T tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*: Chị Vũ Thị Tuyết M, sinh năm 1988; NĐKHKT: Tiểu khu a, thị trấn H, L, huyện M Sơn, tỉnh Sơn La.

Anh Cà Văn T, sinh năm 1984; NĐKHKT: Bản B, xã Mường B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Vũ Thị Tuyết M và anh Cà Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện từ năm 2010 do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc khi cả hai đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn vào ngày 15/10/2010.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do anh chị không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, anh chị thường xuyên bất đồng quan điểm sống, hôn nhân không hạnh phúc. Mặc dù đã được 02 gia đình hòa giải, khuyên bảo nhưng anh chị xác định không thể tiếp tục chung sống với nhau. Nay anh chị đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn trầm trọng, không thể duy trì cuộc sống chung nên

thống nhất T tình ly hôn. Tại phiên hòa giải, chị M, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị M, anh T.

[2] Về con chung: Chị M, anh T có 02 con chung là các cháu Cà Vũ Tùng A, sinh ngày 01/11/2011 và cháu Cà Vũ Gia K, sinh ngày 11/10/2013. Anh chị thỏa T sau khi ly hôn giao cả hai cháu Tùng A và Gia K cho chị M là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cháu cho tới khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M do chị M không yêu cầu. Thỏa thuận về trách nhiệm nuôi dưỡng và việc cấp dưỡng nuôi con chung của hai anh chị là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung vợ chồng: Chị M, anh T tự nguyện thỏa T, không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung vợ chồng: chị M, anh T tự nguyện thỏa T không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: chị M nhận nộp toàn bộ lệ phí tòa án là 300.000 đồng.

Xét thấy: Việc T tình ly hôn và thỏa T của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa T đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận T tình ly hôn và sự thỏa T của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Tuyết M và anh Cà Văn T nhất trí T tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cả hai cháu Cà Vũ Tùng A, sinh ngày 01/11/2011 và cháu Cà Vũ Gia K, sinh ngày 11/10/2013 cho chị M là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cho đến khi cả hai cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M do chị M không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh T được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này theo quy định của Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung vợ chồng: Chị M, anh T tự nguyện thỏa T. Nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.
- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị M nhận chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận T tình ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000VNĐ đã nộp theo Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0000209 ngày 03 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- UBND thị trấn H, L;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Hà Minh Quân